

Số: 426/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 389/2026/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/04/2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội.

Người yêu cầu:

- **Chị Phạm Thị Bích L**, sinh ngày 26/06/1980; CCCD số 031180004490; Ngày cấp 18/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- **Anh Tạ Ngọc T**, sinh ngày 27/06/1976; CCCD số 033076000159; Cấp ngày 13/12/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Cùng ĐKKHKT và nơi ở: Số I - M L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (Nay là: Số I - M L, phường G, thành phố Hà Nội).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giấy chứng nhận kết hôn số 07; Quyền số 01 (Nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Hưng Yên). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn vì cả hai đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có. Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của hai bên đã được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/04/2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3]. Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T có 01 (một) con chung là cháu Tạ Quang H, sinh ngày 29/11/2012. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để con chung là cháu Tạ Quang H, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Phạm Thị Bích L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tạ Ngọc T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/tháng (Hai mươi triệu đồng) kể từ tháng 05/2026.

[4]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về lệ phí tòa án: Chị Phạm Thị Bích L tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản thuận tình ly hôn thỏa thuận việc nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Tạ Quang H, sinh ngày 29/11/2012 cho chị Phạm Thị Bích L trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Tạ Ngọc T tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/tháng (Hai mươi triệu đồng) kể từ tháng 05/20026 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Tạ Ngọc T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Phạm Thị Bích L và anh Tạ Ngọc T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Bích L tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tiền số 0008761 ngày 09 tháng 04 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1 - Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Nam Hải

